

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**  
Số: 512/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Lào Cai, ngày 16 tháng 02 năm 2017

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2016**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật chính quyền địa phương ngày 19/6/2005;

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 06/TTr-STTTT ngày 23 tháng 01 năm 2017,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2016 (Có kết quả đánh giá, xếp hạng chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Ban chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông công bố, kết quả xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2016.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lào Cai;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, TH1, VX1, Công TTĐT tỉnh.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Xuân Thanh**

## KẾT QUẢ

### Đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng Công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2016

(Ban hành kèm theo Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của UBND tỉnh Lào Cai)

#### I. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

STT	Tên đơn vị	Điểm thành phần (điểm tối đa)						Tổng điểm đạt được (100)
		Hạ tầng kỹ thuật CNTT (12)	ƯD CNTT trong hoạt động của đơn vị (40)	ƯD CNTT phục vụ người dân, DN (13)	Đảm bảo ATTT (14)	Nhân lực CNTT (7)	Ban hành và thực hiện các quy định nội bộ về CNTT (14)	
<b>MỨC TỐT</b>								
1	Sở Thông tin và Truyền thông	12	38	13	13	7	14	97
2	Sở Tài chính	12	37	12	13	7	14	95
3	Văn phòng UBND tỉnh	12	38	11	12	7	14	94
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	12	38	12	10	7	14	93
5	Sở Nội vụ	12	36	10.5	12	7	14	91.5
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	12	38	12.5	13	7	9	91.5
7	Văn phòng HĐND tỉnh	12	36	11	12	7	13	91
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	12	33	12	12	7	14	90
9	Sở Khoa học - Công nghệ	12	34	12	12	7	13	90
10	Sở Công thương	12	32	12	13	7	13	89
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	12	36	9	10	7	14	88
12	Sở Nông nghiệp và PTNT	12	35	12	11	7	10	87
13	Sở Xây dựng	12	34	9.5	12	4.5	12	84
14	Thanh tra tỉnh	12	30	11	12	7	12	84
15	Ban Dân tộc	12	33	12	11	4.5	10	82.5
16	Sở Tư pháp	9	32	11	11	7	12	82
17	Sở Lao động - TBXH	12	32.5	8	12	6.5	10	81
18	Sở Giao thông Vận tải	10	27	13	13	7	10	80
<b>MỨC KHÁ</b>								
19	Ban Quản lý khu kinh tế Lào Cai	10	29	11	11	6.5	12	79.5
20	Sở Ngoại vụ	12	30	10	11	7	9	79
21	Sở Y tế	12	27	11.5	11	5	8	74.5
22	Vườn Quốc gia Hoàng Liên	7	23	11	11	0	8	60

## II. UBND các huyện, thành phố:

STT	Tên đơn vị	Điểm thành phần (điểm tối đa)							Tổng điểm đạt được (100)
		Hạ tầng kỹ thuật (6)	UD trong nội bộ (37)	UD phục vụ ND, DN (13)	Đảm bảo ATTT (14)	Nhân lực CNTT (6)	Ban hành và thực hiện các quy định nội bộ về CNTT (14)	UD CNTT tại cấp xã (10)	
<b>MỨC TỐT</b>									
1	Huyện Sa Pa	5	33	13	12	6	14	10	93
2	TP Lào Cai	6	33	12.5	12	6	13	10	92.5
3	Huyện Bảo Yên	6	32	11	11	6	13	9	88
4	Huyện Si Ma Cai	6	32	11	12	6	12	8	87
5	Huyện Bảo Thắng	6	33	11	11	6	9	10	86
6	Huyện Bát Xát	6	30	12.5	12	6	9	10	85.5
7	Huyện Văn Bàn	6	34	8	11	6	11	9	85
<b>MỨC KHÁ</b>									
8	Huyện Bắc Hà	3	29	12	9	6	7	8	74
9	Huyện Mường Khương	5	24	9	7	6	9	9	69